

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CUỘC SỐNG MỚI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CUỘC SỐNG MỚI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NEW LIFE INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107813671

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 79, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04 7301 5115

Fax: 04 7301 1115

Email: Cuocsongmoi79Vip@gmail.com Website: Cuocsongmoi79.com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có xác định bến đi, bến đến với lịch trình, hành trình nhất định;<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch theo tuyến, chương trình và địa điểm du lịch; | 4932     |
| 2.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                       | 4511     |
| 3.  | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                              | 4512     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                       | 4651     |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị y tế;                                                                                                                                                                    | 3320     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                                                      | 4649     |
| 7.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường;<br>- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải;                                                                                                             | 4933     |
| 8.  | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)                                                                                                                                                             | 9610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8299        |
| 10. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 11. | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                                           | 8692        |
| 12. | Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc                                                                                                                                                                   | 8730        |
| 13. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                         | 3700        |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý bán thuốc; Đại lý bán buôn Vắc xin, sinh phẩm y tế;                                                                                                                                                                     | 4610        |
| 15. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                                           | 3250        |
| 16. | Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại<br>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải y tế;                                                                                                                                                                                      | 3822        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                              | 5229        |
| 18. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết:<br>- Phòng khám đa khoa;<br>- Phòng khám chuyên khoa;<br>- Phòng khám phẫu thuật thẩm mỹ;                                                                                                  | 8620(Chính) |
| 19. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;                                                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4741        |
| 21. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                               | 4772        |
| 22. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật<br>Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển khoa học y khoa;                                                                                                                                             | 7210        |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                | 7710        |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                                     | 7730        |
| 25. | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác                                                                                                                                         | 8710        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải y tế;                                                                                                                                                                                                                                               | 3812 |
| 27. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4541 |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                           | 4722 |
| 29. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm;                                                                                                                                                                                                                      | 6622 |
| 30. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá<br>Chi tiết: Hoạt động của các bệnh viện;                                                                                                                                                                                                                             | 8610 |
| 31. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                                                | 3312 |
| 32. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                                              | 4659 |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng trong bệnh viện;                                                                                                                                                                                                     | 4669 |
| 34. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Phòng thí nghiệm phân tích máu;<br>- Phòng thí nghiệm X-quang và các trung tâm chẩn đoán qua hình ảnh khác,<br>- Hoạt động trợ giúp y tế như hoạt động của các bà đỡ, y tá và nhà vật lý trị liệu;<br>- Dịch vụ vận chuyển của xe cứu thương; | 8699 |
| 35. | Vận tải bằng xe buýt<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành với cự ly, phạm vi hoạt động nhất định;                                                                                                   | 4920 |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có lịch trình và hành trình theo yêu cầu của khách hàng; tính cước theo đồng hồ tính tiền;                                                                     | 4931 |

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUỐC THỊNH    | Số 87 Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 990.000    | 99.000.000.000        | 33,000    | 111338901                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 990.000    | 99.000.000.000        | 33,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ KIM THANH | Quốc lộ 21, Xã Bình Yên, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 3.000.000.000         | 1,000     | 111453329                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 3.000.000.000         | 1,000     |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THANH BÌNH     | Số 166 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 1.980.000  | 198.000.000.000       | 66,000    | 112184666                                                                                   |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 1.980.000  | 198.000.000.000       | 66,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG THANH BÌNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 30/10/1972

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 112184666

Ngày cấp: 07/11/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 166 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 166 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội